

QUY ĐỊNH

về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước



Căn cứ Điều lệ Đảng;
Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII,

Bộ Chính trị quy định về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác của người đứng đầu đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị (gọi tắt là người đứng đầu cơ quan); cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cán bộ).

3. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý do Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp uỷ viên, đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân, các chức danh tư pháp, uỷ viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và uỷ viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ, đúng căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn, thủ tục, hồ sơ theo Quy định.

2. Bảo đảm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, gây cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

3. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, thông báo nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo thì phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp uỷ cấp trên trực tiếp (hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp đối với những tổ chức đảng không có thường trực cấp uỷ) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tạm đình chỉ công tác là việc buộc cán bộ dừng thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

Chương II

CĂN CỨ, THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC

Điều 4. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết

1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng

1. Cán bộ bị khởi tố để phục vụ công tác điều tra.
2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 6. Thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Người đứng đầu có quyền quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo Danh mục kèm theo Quy định này khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định. Trường hợp chưa có trong Danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

2. Đề nghị cơ quan chức năng, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

3. Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này; huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1.1. Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

1.2. Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý vi phạm.

1.3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như trước thời điểm bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

2.1. Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

2.2. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin, báo cáo, công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

THỜI HẠN, THỦ TỤC, HỒ SƠ TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC

Điều 10. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 15 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 15 ngày làm việc.

2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng; thanh tra; kiểm tra; kiểm toán; thi hành án.

3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

Điều 11. Thủ tục và quản lý hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

1.1. Khi xác định có căn cứ tạm đình chỉ công tác được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này thì chậm nhất sau 2 ngày làm việc, cơ quan (bộ phận) tổ chức cán bộ (nhân sự) có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.2. Chậm nhất sau 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan (bộ phận) tổ chức cán bộ (nhân sự), người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.3. Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày có đủ cơ sở để huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu quy định tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới của người

đứng đầu; báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị khi có yêu cầu.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan phù hợp với Quy định này.

4. Căn cứ Quy định này, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Hội quân chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương quy định cụ thể thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định và báo cáo Bộ Chính trị khi có yêu cầu.

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Lương Cường

TỈNH ỦY HÒA BÌNH

*

Số 139 - BS/TU

Sao y bản chính

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hòa Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2023

Nơi nhận:

- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng đoàn, BCS Đảng tỉnh,
- Các cơ quan tỉnh,
- Các đảng bộ trực thuộc,
- Lãnh đạo VPTU + CV,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ



Đinh Đức Lân